|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP**

**ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định**

**bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 3 như sau:

“Đối với bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba: Phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.”.

3. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 5 như sau:

“4. Thời hạn bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba là khoảng thời gian cụ thể, tính từ ngày bắt đầu thi công xây dựng công trình đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình căn cứ vào hợp đồng xây dựng và được ghi trong hợp đồng bảo hiểm.”.

4. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“d) Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện trách nhiệm bồi thường cho nhà thầu thi công xây dựng những khoản tiền mà nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bồi thường cho bên thứ ba đối với những thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng và tài sản phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng công trình thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm và thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.”.

5. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 Điều 6 như sau:

“e) Tổn thất bị loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo tập quán quốc tế”.

6. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 10 như sau:

“4. Đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba:

a) Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng là một trăm (100) triệu đồng cho một người trong một vụ và không giới hạn số vụ tổn thất.

b) Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản được xác định như sau:

- Đối với công trình có giá trị dưới 1.000 (một nghìn) tỷ đồng, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản là 10% giá trị công trình cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.

- Đối với công trình có giá trị từ 1.000 (một nghìn) tỷ đồng trở lên, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản là 100 (một trăm) tỷ đồng cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.”.

7. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 12 như sau:

“d) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba”.

**Điều 2.** Bãi bỏ khoản 6 Điều 3 Nghị định số 119/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021.

2. Các hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng đã giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành
Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (2).  | TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG**Phạm Minh Chính** |